

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/2012/QĐ-UBND

*Đắk Lắk, ngày 10 tháng 7 năm 2012*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố định mức dự toán xây dựng công trình -  
Phần khảo sát xây dựng công trình điện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26 tháng 5 năm 2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 67/TTr-SXD ngày 23 tháng 5 năm 2012,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay công bố Định mức dự toán xây dựng công trình – Phần khảo sát xây dựng công trình điện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

1. Định mức dự toán xây dựng công trình – Phần khảo sát xây dựng công trình điện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là định mức khảo sát xây dựng công trình điện) là định mức kinh tế kỹ thuật thể hiện mức hao phí về vật liệu, nhân công, máy thi công để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác khảo sát xây dựng công trình điện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk từ khi chuẩn bị đến khi kết thúc công tác khảo sát theo đúng yêu cầu kỹ thuật, quy trình, quy phạm quy định.

Định mức khảo sát xây dựng công trình điện được lập trên cơ sở các quy chuẩn, tiêu chuẩn khảo sát xây dựng; quy phạm về thiết kế - thi công - nghiệm thu và những tiến bộ khoa học kỹ thuật trong khảo sát xây dựng.



Mã hiệu	Nội dung công việc	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cấp địa hình					
				I	II	III	IV	V	VI
		Vật liệu khác	%	20	20	20	20	20	20
		<b>Nhân công:</b>							
		Nhân công 4.0/7	công	2,64	2,96	3,24	3,54	3,85	4,10
		<b>Máy thi công:</b>							
		Theo 020	ca	0,108	0,112	0,124	0,130	0,135	0,140
		Ống nhôm	ca	0,108	0,112	0,124	0,130	0,135	0,140
		Ni 030	ca	0,027	0,027	0,027	0,027	0,027	0,027
				0,005	0,005	0,005	0,005	0,005	0,005
		Ôtô 5 tấn	ca	4	4	4	4	4	4
<b>CO.03200</b>	<b>Đo vẽ tuyến đường dây từ 6kV đến 35kV</b>	<b>Vật liệu:</b>							
		Ximăng PCB30	kg	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5
		Cát vàng	m <sup>3</sup>	0,016	0,016	0,016	0,016	0,016	0,016
		Thép Ø8- :-Ø10 - CT3	m	0,4	0,4	0,4	0,4	0,4	0,4
		Cọc gỗ	cái	1	1	1	1	1	1
		Sổ các	quyển	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5

Mã hiệu	Nội dung công việc	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cấp địa hình					
				I	II	III	IV	V	VI
		loại	n						
		Giấy kẻ ly	m	0,1	0,1	0,1	0,2	0,2	0,2
		Giấy can	m	0,1	0,1	0,1	0,2	0,2	0,2
		Giấy trắng	tập	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1
		Vật liệu khác	%	20	20	20	20	20	20
		<b>Nhân công:</b>							
		Nhân công 4.0/7	công	4,43	4,92	5,41	5,90	6,41	6,84
		<b>Máy thi công:</b>							
		Theo 020	ca	0,180	0,198	0,207	0,216	0,225	0,234
		Ống nhôm	ca	0,180	0,198	0,207	0,216	0,225	0,234
		Ni 030	ca	0,045	0,045	0,045	0,045	0,045	0,045
		Ôtô 5 tấn	ca	0,009	0,009	0,009	0,009	0,009	0,009
				1	2	3	4	5	6

- Trong định mức này chưa tính công tác phát cây;

b) Điều kiện áp dụng:

- Các tuyến đường dây tải điện khi khảo sát 2 bước (khảo sát bước thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công) thì bước thiết kế cơ sở định mức được nhân hệ số  $K=0,3$ .

- Bảng phân cấp địa hình cho công tác khảo sát công trình điện:

Cấp địa hình	Những địa hình tiêu biểu cho mỗi cấp
I	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vùng đồng bằng chủ yếu ruộng màu khô ráo, thưa dân cư, quang đãng, đi lại dễ dàng, địa hình đơn giản.</li> <li>- Vùng bằng phẳng của thung lũng sông chảy qua vùng trung du đồi thấp dưới 20m, cây cỏ thấp dưới 0,5m đi lại dễ dàng.</li> </ul>
II	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vùng đồng bằng ruộng màu xen lẫn ruộng lúa nước không lầy lội,</li> </ul>

	<p>làng mạc thưa, có đường giao thông, nương máng, cột điện chạy qua khu đo.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vùng bằng phẳng chân đồi, vùng đồi thoải dưới 20m, cỏ cây mọc thấp, không vướng tầm ngắm, chân núi có ruộng cấy lúa, trồng màu, không lầy lội, đi lại thuận tiện.</li> </ul>
III	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vùng đồng bằng dân cư thưa, ít nhà cửa, vườn cây ăn quả, ao hồ, nương máng, cột điện.</li> <li>- Vùng thị trấn nhỏ, nhà cửa thưa, độc lập.</li> <li>- Vùng đồi sườn thoải, đồi cao dưới 30m, lác đác có bụi cây, lùm cây cao bằng máy, phải chặt phát, sườn đồi có ruộng trồng khoai, sắn, có bậc thang, địa hình ít phức tạp.</li> <li>- Vùng bằng phẳng Tây Nguyên, vùng có lau sậy, có vườn cây ăn quả, cây công nghiệp, độ chia cắt trung bình.</li> </ul>
IV	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vùng thị trấn, vùng ngoại vi thành phố lớn, vườn cây rậm rạp, có công trình nổi và ngầm, hệ thống giao thông thuỷ bộ, lưới điện cao, hạ thế, điện thoại phức tạp.</li> <li>- Vùng đồi núi cao dưới 50m xen lẫn có rừng thưa hoặc rừng cây công nghiệp cao su, cà phê, sơn, bạch đàn ... khi đo không được chặt phát hoặc hạn chế việc phát, địa hình tương đối phức tạp.</li> <li>- Vùng bằng phẳng Tây Nguyên có nhiều vườn cây ăn quả không chặt phá được, nhiều bản làng, có rừng khộp bao phủ không quá 50%.</li> <li>- Vùng bãi thuỷ triều lầy lội, sù vẹt mọc cao hơn tầm ngắm phải chặt phát.</li> </ul>
V	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vùng thị xã, thành phố, mật độ người và xe qua lại đông đúc, tập nập, ảnh hưởng đến việc đo đạc, có công trình kiến trúc nổi và ngầm, hệ thống đường cống rãnh phức tạp.</li> <li>- Vùng đồi núi cao dưới 100m, cây cối rậm rạp núi đá vôi tai mèo lởm chởm, nhiều vách đứng hay hang động phức tạp.</li> </ul>
VI	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vùng rừng núi cao trên 100m cây cối rậm rạp hoang vu, hẻo lánh.</li> <li>- Vùng bằng phẳng cao nguyên nơi biên giới vùng khộp dày.</li> <li>- Vùng biên giới xa xôi, đi lại khó khăn, địa hình hết sức phức tạp.</li> <li>- Vùng núi đá vôi tai mèo lởm chởm, cheo leo nhiều thung lũng vực sâu, hang động, cây cối rậm rạp.</li> </ul>

**Điều 2.** Định mức dự toán xây dựng công trình – Phần khảo sát xây dựng công trình điện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo xác định chi phí khảo sát xây dựng công trình điện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Buôn Ma Thuột và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lữ Ngọc Cư**